

BÁO CÁO
Công tác cải cách hành chính quý III
và phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2023

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông.

Thực hiện Công văn số 1228/UBND-TH ngày 16/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc thực hiện chế độ báo cáo công tác cải cách hành chính (CCHC) định kỳ; UBND thành phố Gia Nghĩa báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính quý III và phương hướng nhiệm vụ quý IV năm 2023 tại địa phương như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Xây dựng kế hoạch và tổ chức, chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Để triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ liên quan đến công tác cải cách hành chính tại địa phương, UBND thành phố đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành như sau:

- Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 về việc ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa năm 2023.

- Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành công tác cải cách hành chính năm 2023.

- Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 09/01/2023 về việc ban hành kế hoạch cải cách hành chính thành phố Gia Nghĩa năm 2023.

- Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 09/02/2023 về việc Kế hoạch Kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2023 trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa.

- Công văn số 201/UBND-NV ngày 14/02/2023 về việc tăng cường thực hiện Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 03/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

- Công văn số 314/UBND-NV ngày 28/2/2023 về việc hướng dẫn triển khai thí điểm sáng kiến “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn”.

- Công văn số 338/UBND-NV ngày 02/3/2023 về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính gắn với công tác thi đua, khen thưởng.

- Công văn số 912/UBND-VP ngày 09/5/2023 của UBND thành phố về việc tăng cường công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa.

- Công văn số 1030/UBND-VP ngày 22/5/2023 của UBND thành phố về việc khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện công tác đổi mới cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Các Thông báo Kết luận cuộc họp giao ban của UBND thành phố định kỳ hàng tháng, quý.

2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính

- Ủy ban nhân dân thành phố đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường đẩy mạnh tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động như băng rôn, khẩu hiệu, xây dựng các Chuyên mục cải cách hành chính phát trên sóng truyền thanh thành phố, Trang thông tin điện tử thành phố và thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ giúp cho cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và Nhân dân hiểu và tham gia tích cực công tác cải cách hành chính.

- Trong quý III năm 2023: Đã thực hiện phát sóng trên Đài truyền thanh thành phố 03 Chuyên mục với thời lượng 15 phút/Chuyên mục (01 Chuyên mục/tháng) và 12 tin bài; hệ thống phát thanh được phát sóng tới các phường xã trên địa bàn thành phố. Ngoài ra UBND thành phố tăng cường tuyên truyền công tác cải cách hành chính qua mạng xã hội Facebook, Trang Thông tin điện tử thành phố...

3. Công tác kiểm tra cải cách hành chính

- Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Công văn số 201/UBND-NV ngày 14/02/2023 về việc tăng cường thực hiện Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 03/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở CBCCVC chấn chỉnh tác phong, lề lối làm việc, tinh thần phục vụ Nhân dân.

- Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành công tác cải cách hành chính năm 2023. Dự kiến kiểm tra trong quý IV năm 2023.

- Trong quý III năm 2023, Tổ kiểm tra công vụ thành phố đã tăng cường kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 13 tại các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố quản lý; cụ thể, số lượt đi kiểm tra công vụ tại các cơ quan, đơn vị là 01 lần, gồm: 02 phường, 10 phòng, ban chuyên môn thành phố; Qua kiểm tra, nhìn chung đa số cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị được kiểm tra đã có nhận thức về việc chấp hành lề lối làm việc; khắc phục tình trạng đi muộn về sớm; hạn chế tình trạng ăn sáng, uống cà phê trong giờ hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thường xuyên thực hiện kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do HĐND-UBND thành phố ban hành, đảm bảo các văn bản quy phạm pháp luật đều được kiểm tra, xử lý theo đúng quy định và thẩm quyền.

- Công tác xây dựng văn bản QPPL trên địa bàn thành phố đã được triển khai, thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL từng bước được nâng cao; các văn bản được ban hành đều đảm bảo tính hợp Hiến, hợp pháp, tính thống nhất, khả thi và đảm bảo quy trình ban hành văn bản QPPL.

- Công tác thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: Thực hiện Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 24/02/2023 của UBND thành phố Gia Nghĩa về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023. Hội đồng đã ban hành Kế hoạch số 05/KH-HĐPH ngày 21/6/2023 về việc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật quý III năm 2023. Kết quả có hơn 100 người tham dự.

2. Cải cách thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

2.1. Về triển khai cải cách thủ tục hành chính, kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC); rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính

- Cập nhật, công khai niêm yết TTHC tại Bộ phận TN & TKQ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn thành phố: Đã niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính, đạt 100% thủ tục hành chính cấp huyện (nguồn dữ liệu lấy từ địa chỉ <http://csdl.thutuchanhchinh.vn>) trên Trang thông tin điện tử thành phố (mục Bộ Thủ tục hành chính) và Bộ phận TN & TKQ thành phố.

- Triển khai thực hiện tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức công dân về quy định hành chính, hành vi hành chính thông qua hòm thư góp ý, Ban tiếp công dân thành phố, số điện thoại đường dây nóng; đến thời điểm báo cáo, chưa có phản ánh, kiến nghị từ tổ chức, công dân.

- Phối hợp hiệu quả với các cơ quan chủ trì rà soát thủ tục hành chính để thực hiện rà soát, đánh giá thủ tục hành chính để báo cáo UBND tỉnh xem xét xây dựng phương án sửa đổi, bổ sung; đến thời điểm báo cáo, không có thủ tục cần phải sửa đổi, bổ sung.

2.2. Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các quy định mới về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông đáp ứng Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 107/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Trong quý III năm 2023, kết quả thực hiện giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC (thời gian từ ngày 01/06/2023 đến ngày 30/8/2023): Tổng số hồ sơ trong kỳ 5576 (trong đó số hồ sơ tồn từ kỳ trước 1619; hồ sơ tiếp nhận trong kỳ 3957); số hồ sơ đã giải quyết là 4048 (trong đó đúng hạn 2835 chiếm 70%, trễ hạn 1213 chiếm 30%) số hồ sơ đang giải quyết 995; hồ sơ đang tạm dừng 100 hồ sơ; số hồ sơ trả lại do không đủ điều kiện giải quyết là 443 hồ sơ (*lý do: Trong kỳ, việc giải quyết TTHC trên hệ thống có số lượng hồ sơ trễ hạn tăng đột biến do VNPT và Văn phòng HĐND và UBND thành phố xây dựng, cấu hình lại các quy trình đồng bộ theo các huyện trên địa bàn tỉnh, các bước thực hiện vướng mắc ở bước thuế. Các đơn vị: VNPT Đắk Nông, Cục Thuế tỉnh Đắk Nông, Chi cục thuế khu vực Gia Nghĩa - Đắk Glong có buổi làm việc trực tiếp để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, bất cập nêu trên, theo đó nguyên nhân trễ hạn do tồn tại 02 tài khoản tại Chi cục thuế Gia Nghĩa - Đắk Glong, các quy trình được cấu hình đồng bộ theo Văn phòng UBND tỉnh đã đến tài khoản Chi cục thuế thuộc Cục thuế tỉnh nhưng cán bộ Chi cục thuế không được thông báo, hướng dẫn để vào xử lý hồ sơ dẫn đến tồn hơn 700 hồ sơ điện tử tại tài khoản của Chi cục thuế. Đến nay VNPT Đắk Nông phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND thành phố đã xây dựng quy trình, hướng dẫn cán bộ Chi thuế Khu vực Gia Nghĩa- Đắk Glong xử lý hồ sơ điện tử theo quy định và các quy trình có thực nghĩa vụ tài chính (nộp thuế) về một tài khoản theo đề nghị của Chi cục thuế và chuyển các hồ sơ tồn về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thành phố các hồ sơ tồn nêu trên).*

- Tại Bộ phận TN&TKQ thành phố đã cử công chức, viên chức, nhân viên của các cơ quan chuyên môn đến làm việc; Tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả: có 04 người tiếp nhận hồ sơ (*trong đó có 01 công chức, thuộc biên chế của Văn phòng HĐND và UBND thành phố, 02 nhân viên thuộc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện, 01 hợp đồng lao động thuộc Văn phòng HĐND - UBND thành phố*). Hiện tại Văn phòng HĐND - UBND thành phố đang phối hợp với các phòng, ban trực thuộc, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố và UBND các xã, phường rà soát, xây dựng và thực hiện áp dụng quy trình giải quyết TTHC tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố; UBND cấp xã, phường.

- 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND thành phố được thực hiện theo đúng theo quy trình của cơ chế một cửa, một cửa liên thông; quy trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của UBND thành phố quy định rõ việc báo cáo tiến độ giải quyết đến từng cá nhân đáp ứng quy trình điện tử trong giải quyết thủ tục hành chính và sẽ tiếp tục được điều chỉnh, cập nhật mới khi có thay đổi từ cấp có thẩm quyền góp phần công khai, minh bạch quá trình giải quyết.

- Việc thực hiện xin lỗi tổ chức, công dân đối với các hồ sơ trễ hạn theo quy định của pháp luật; các cơ quan, đơn vị đều có văn bản xin lỗi tổ chức công dân đối với các hồ sơ trễ hạn.

Trong quý III năm 2023, không có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

3. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước

3.1. Về tổ chức bộ máy

- Trên cơ sở các quy định của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành như: Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 08/3/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND thành phố đã tiến hành rà soát và quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND thành phố; đồng thời sắp xếp, bố trí hợp lý số cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với tình hình hoạt động của cơ quan, đơn vị và số biên chế được giao, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ của từng đơn vị.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; Công văn số 6327/UBND-NCKSTT ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ, quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

3.2. Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Biên chế hành chính được giao là 110 biên chế, số cán bộ, công chức hiện có 102 người; biên chế sự nghiệp giáo dục được giao là 821 biên chế hiện có 801 người; biên chế sự nghiệp khác được giao là 48 biên chế, số lượng viên chức hiện có 43 người; hội đặc thù là 05 biên chế; cán bộ, công chức xã, phường được giao 172 biên chế hiện có 169 người.

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 137/Kh-UBND ngày 05/6/2023 về việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2023.

3.3. Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Công văn số 1912/UBND-NV ngày 24/8/2023 tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-CP của Chính phủ ngày 24/6/2020 và Nghị quyết số 40/NQ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ đến các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố.

4. Cải cách chế công vụ

4.1. Xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của cán bộ, công chức: Thực hiện Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm các cơ quan hành chính thuộc UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

4.2. Tuyển dụng công chức, viên chức:

Trong quý III, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 1192/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch tiếp nhận vào viên chức Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông thành phố Gia Nghĩa năm 2023 đối với 01 trường hợp.

4.3. Bổ nhiệm vị trí lãnh đạo trong các phòng, ban, đơn vị:

- Số lượng cấp phó các phòng, ban: có 23 lãnh đạo cấp phó trên cho 13 phòng, ban thuộc UBND thành phố.

- Bổ nhiệm mới viên chức: 01 trường hợp;

- Bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với viên chức quản lý: 01 trường hợp;

- Bổ nhiệm, luân chuyển, điều động đối công chức quản lý các phòng, ban: 1 trường hợp;

Nhìn chung, việc sắp xếp, bổ nhiệm, luân chuyển, bố trí cán bộ, công chức, viên chức của UBND thành phố được thực hiện kịp thời, đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của cấp trên.

4.4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC

Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 02/3/2023 của UBND thành phố về việc ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2023; Công văn số 272/UBND-NV ngày 23/2/2023 về việc đăng ký nhu cầu tham gia các khóa đào tạo bồi dưỡng năm 2023 cho cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

Triển khai thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện tốt việc phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp chính quyền địa phương; thực hiện các chế độ, định mức phân bổ, định mức chi tiêu theo quy định; tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách; ứng dụng công nghệ thông tin vào lĩnh vực quản lý tài chính, ngân sách ...

5.2. Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được UBND tỉnh, Chính phủ giao và của các cơ quan, đơn vị

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố tính đến tháng 8 năm 2023 ước đạt ước đạt **31.606** triệu đồng. Ước tổng thu tính đến 8 tháng đầu năm ước đạt **510.635** triệu đồng, đạt **33,9%** so với kế hoạch tỉnh giao và đạt **32,6%** so với Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố giao. (Trong đó thu theo tỷ lệ điều tiết địa phương được hưởng 8 tháng đầu năm 2023 ước đạt **161.607** triệu đồng,

đạt **39,3%** so với kế hoạch tỉnh giao và đạt **36,4%** so với Nghị quyết HĐND thành phố giao).

Chi ngân sách Nhà nước 8 tháng đầu năm 2023 ước đạt **307.948** triệu đồng, đạt **60,6%** so với Nghị quyết HĐND thành phố giao. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển ước đạt **77.846** triệu đồng, đạt **45,6%** so với Nghị quyết HĐND thành phố giao.

- Chi thường xuyên ước đạt **211.916** triệu đồng, đạt **73,8%** so với Nghị quyết HĐND thành phố giao.

5.3. Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công

Tính đến tháng 8/2023, tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 của UBND thành phố Gia Nghĩa được giao quản lý, sử dụng (*không bao gồm vốn mục tiêu quốc gia*) là: **322.217** triệu đồng, (*tăng 25.000 triệu đồng do mới được UBND tỉnh bổ sung kế hoạch vốn dự án: Di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thị xã Gia Nghĩa tại Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 14/7/2023*), trong đó tổng kế hoạch vốn đã được nhập nguồn trên hệ thống Tabmis là: **108.392** triệu đồng, đã giải ngân là: **54.928** triệu đồng, đạt **17,05%** so với kế hoạch vốn giao và đạt **50,68%** so với kế hoạch vốn đã nhập nguồn trên hệ thống Tabmis. Cụ thể các nguồn vốn như sau:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ: **36.358** triệu đồng, đã giải ngân là: **6.060** triệu đồng, đạt **16,67%**.

- Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý: **158.547** triệu đồng, số vốn đã nhập nguồn trên hệ thống Tabmis: **24.950** triệu đồng, đã giải ngân là: **13.931** triệu đồng, đạt **8,79%** so với kế hoạch vốn giao và đạt **55,84%** so với kế hoạch vốn đã nhập nguồn trên hệ thống Tabmis.

- Nguồn vốn do thành phố quản lý: **127.312** triệu đồng, số vốn đã nhập nguồn trên hệ thống Tabmis: **47.083** triệu đồng (*trong đó ngân sách tỉnh phân cấp: 18.987 triệu đồng, nguồn thu sử dụng đất: 28.096 triệu đồng*), đã giải ngân là: **34.937** triệu đồng, đạt **27,44%** so với kế hoạch vốn giao và đạt **74,2%** so với kế hoạch vốn đã nhập nguồn trên hệ thống Tabmis.

5.4. Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách

Tính đến tháng 8 năm 2023, Số kiến nghị còn tồn đọng sau kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách là **15.258** triệu đồng, trong đó số không thể thực hiện theo kiến nghị của kiểm toán nhà nước là **795** triệu đồng.

5.5. Về triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- Đối với cơ quan hành chính: Đến nay, 13/13 cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố đã thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ, đạt tỷ lệ 100% tổng số đơn vị quản lý hành chính.

- Đối với các đơn vị gồm: Văn phòng Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức đoàn thể thành phố, Hội Chữ thập đỏ, Hội người cao tuổi chưa thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Đối với cơ chế giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp công lập:

Thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2026, trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa có 34 đơn vị thực hiện phân loại cơ chế tự chủ tài chính;

Hiện nay, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 về phân loại và giao cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa giai đoạn 2022 - 2026 cho 03 đơn vị là Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông thành phố, Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp thành phố, Đội Quản lý trật tự cảnh quan đô thị thành phố.

5.6. Công tác nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI)

Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc thực hiện Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 12/9/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về tăng cường trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ nhằm cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa; Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 16/3/2023 về triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế tư nhân gắn với cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Đắk Nông năm 2023.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

6.1. Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước

+ Hạ tầng CNTT tại thành phố được hoàn thiện, tạo nền tảng cho việc phát triển chính quyền điện tử; ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo điều hành thông qua Hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử dùng chung tỉnh Đắk Nông kết hợp sử dụng chứng thư số, chữ ký số góp phần rút ngắn thời gian xử lý văn bản, thuận lợi cho việc chia sẻ, sử dụng lại văn bản điện tử, giảm chi phí hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành; 100% văn bản được trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố là dưới dạng văn bản điện tử.

+ 100% cán bộ, công chức thành phố được tạo lập và sử dụng Hộp thư điện tử công vụ của tỉnh trong việc trao đổi, thông tin giải quyết công việc.

+ 100% lãnh đạo UBND thành phố sử dụng chữ ký số trên Hệ thống phần mềm Văn phòng điện tử dùng chung tỉnh Đắk Nông.

- Trang Thông tin điện tử được cập nhật thường xuyên; chuyên mục Cải cách hành chính trên Trang thông tin điện tử thành phố được duy trì, hoạt động hiệu quả; góp phần tuyên truyền, cung cấp thông tin về tình hình cải cách hành chính tại địa phương đến người dân.

- Ứng dụng CNTT trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp, người dân thông qua Hệ thống một cửa điện tử, dịch vụ công tỉnh Đắk Nông đã góp phần công khai, minh bạch tiến trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của doanh nghiệp, nhân dân trên địa bàn thành phố.

6.2. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- Việc hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương: Trong kỳ trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa phát sinh 231 hồ sơ trực tuyến (tiếp nhận online).

- Việc thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC trên địa bàn thành phố đến nay còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt về nhân lực có trình độ về công nghệ thông tin thực hiện tại bộ phận và trả kết quả các cấp. Văn phòng UBND tỉnh chưa xây dựng kho và hướng dẫn số hóa, lưu trữ điện tử.

7. Triển khai sáng kiến cải cách hành chính “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn”

Ủy ban thành phố ban hành Công văn 108/UBND-NV ngày 18/01/2023 về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 824/KH-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai thí điểm sáng kiến “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn”; Công văn số 314/UBND-NV ngày 28/2/2023 về việc hướng dẫn triển khai thí điểm sáng kiến “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn”; Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai áp dụng bắt đầu vào thứ tư ngày 01/3/2023 và tiếp tục nhân rộng ra các phường, xã.

Kết quả tiếp nhận giải quyết hồ sơ “Ngày không viết” và “Ngày không hẹn” tại thành phố: Thủ tục Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (133 hồ sơ); Thủ tục Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (88 hồ sơ); Thủ tục Đăng ký thành lập hộ kinh doanh (69 hồ sơ); Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (*Trường hợp không phải xác minh hồ sơ*) (17 hồ sơ). Các hồ sơ đều được giải quyết trong ngày, kết quả đem lại đánh giá của các nhân, tổ chức khi tới giao dịch tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại thành phố được đánh giá hài lòng rất cao.

8. Kết quả tổ chức thực hiện Chỉ số PAPI

Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 19/6/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Kế hoạch cải thiện Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh của tỉnh Đắk Nông năm 2023 và ban hành Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 28/8/2023 về việc cải thiện, nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công năm 2023 trên địa bàn thành phố.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Trong quý III năm, công tác CCHC của địa phương đã được sự quan tâm, chỉ đạo của Thành ủy Gia Nghĩa, HĐND, UBND thành phố, góp phần nâng cao hiệu quả về quản lý nhà nước và góp phần nâng cao nhận thức về công tác CCHC của mọi tầng lớp Nhân dân, nhất là cán bộ, công chức làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước. Nâng cao trách nhiệm hơn nữa nhằm mang lại lợi ích cho công dân khi đến giao dịch công việc, đảm bảo tiêu chí nhanh, gọn và hiện đại.

2. Khó khăn, hạn chế

- Một số phường, xã chưa xây dựng Trang thông tin điện tử nên việc tuyên truyền một số chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm của đơn vị còn hạn chế.

- Vẫn còn tình trạng hồ sơ giải quyết không đúng hẹn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM QUÝ IV NĂM 2023

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và công tác chỉ đạo điều hành của Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương nhằm tạo sự thống nhất, quyết tâm cao về quan điểm, nội dung và cách làm giữa cấp ủy đảng và thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác cải cách hành chính.

- Tiếp tục thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận TN&TKQ của UBND thành phố và các phường, xã.

- Đôn đốc các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch Cải cách hành chính năm 2023 và Kế hoạch cải cách hành chính thành phố Gia Nghĩa giai đoạn 2021 - 2025.

- Chỉ đạo Tổ kiểm tra công vụ công chức đẩy mạnh việc kiểm tra tình hình thực thi công vụ, công chức, chấp hành Chỉ thị số 13/CT-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh tại các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã, phường. Kịp thời xử lý, chấn chỉnh các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Xây dựng Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố năm 2023.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác rà soát, sửa đổi thực hiện liên thông nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Nghị định 106/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của chính phủ về việc vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; triển khai thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ; Công văn số 6327/UBND-NCKSTT ngày 08/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc triển

khai thực hiện Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đẩy mạnh tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động như băng rôn, khẩu hiệu, xây dựng các Chuyên mục cải cách hành chính trên Hệ thống truyền thanh thành phố giúp cho cán bộ, công chức và Nhân dân hiểu và tham gia tích cực công tác cải cách hành chính.

Trên đây là Báo cáo công tác Cải cách hành chính quý III năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ quý IV năm 2023 của UBND thành phố; kính gửi Sở Nội vụ tỉnh Đắk Nông xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Lưu: VT, NV (MT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thị Kim Thư

PHỤ LỤC 1
BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ III NĂM 2023
(Kèm theo Báo cáo số: 53 L/BC-UBND ngày 07/ 9/2023
của UBND thành phố Gia Nghĩa)

BIỂU MẪU 1
Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	34	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	64	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch	Nhiệm vụ	44	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	28	<i>(tính 09 tháng)</i>
3	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.2	Số UBND cấp huyện đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	-	
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	-	
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	-	
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	-	
4	Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy <i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>			

4.1	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	-	
4.2	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	-	
5	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, UBND tỉnh giáo			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	623	
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	595	
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	5	
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	3	
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	-	
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	-	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	-	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0; Có = 1	-	

BIỂU MẪU 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tổng số văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do địa phương ban hành	Văn bản		
1.1	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	0	
1.2	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	04	
1.3	Số VBQPPL do cấp xã ban hành		0	
2	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	02	
2.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	02	
2.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Rà soát VBQPPL			
3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	0	
3.2.2	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	

BIỂU MẪU 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Thống kê thủ tục hành chính (TTHC)	Văn bản	-	
1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	-	
1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	-	
1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	-	
1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	-	
1.4.1	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	-	
1.4.2	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	204	
1.4.3	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	116	
2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	-	
3.1.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	-	
3.1.2	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	-	
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	70	
3.2.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	4048	

3.2.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	3693	
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	95.8	
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	573	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	549	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	

BIỂU MẪU 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	-	
1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	-	
1.4	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	-	
1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.1	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	-	
1.5.2	<i>Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	-	
1.5.3	<i>Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện</i>	<i>Cơ quan, đơn vị</i>	34	
1.5.4	<i>Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015</i>	%	12,8	
2	Số liệu về biên chế công chức			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	110	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	12	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	0	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	14	So với năm 2015
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	11,3	

3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	869	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	844	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	60	So với năm 2015
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	6,9	

BIỂU MẪU 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	13	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1	
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	0	
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	1	
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	0	
3	Số lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)		-	
4	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)			
4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người	-	
4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.3	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	0	
4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập bị kỷ luật	Người	1	

BIỂU MẪU 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	312.773	
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	4.467	
2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	35	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư		0	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên		1	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên		1	
2.4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>		0	
2.4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>		0	
2.4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>		1	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên		33	
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)		0	

BIỂU MẪU 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
3	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	0	
4	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
5	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100	
5.1.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	-	
5.1.2	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện</i>	%	100	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (<i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử</i>)			
5.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	-	
5.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	
5.2.3	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh		-	
5.3.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống</i>	%	-	

5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	-	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	-	
6.1.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	77	
6.1.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	77	
6.1.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	9	
6.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	-	
6.2.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	24	
6.2.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	24	
6.2.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	-	
6.3.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	-	
6.3.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	-	
6.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		
6.4.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Thủ tục	-	
6.4.2	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Thủ tục	231	
6.5	Tỷ lệ hồ sơ được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
6.5.1	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	-	
6.5.2	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	Thủ tục	-	